

**BỘ TÀI CHÍNH
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2160/UBCK-QLCB
V/v thoái vốn tại CTCP Lương thực
Lào Cai

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2016

Kính gửi: Tổng công ty Lương thực Miền Bắc

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) đã nhận được Hồ sơ công bố thông tin về việc thoái vốn của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc tại CTCP Lương thực Lào Cai ngày 28/03/2016, UBCKNN có ý kiến như sau:

1. Về việc công bố thông tin

Đề nghị Tổng công ty Lương thực Miền Bắc thực hiện công bố thông tin về việc thoái vốn và Bản công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty và Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

2. Về việc báo cáo và xác nhận kết quả thoái vốn

– Đề nghị Tổng công ty Lương thực Miền Bắc thực hiện báo cáo kết quả thoái vốn tới Chủ sở hữu Nhà nước, Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp) theo quy định tại Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước.

– Sau khi có ý kiến của chủ sở hữu Nhà nước về kết quả thoái vốn, đề nghị Tổng công ty Lương thực Miền Bắc thông báo kết quả thoái vốn tới UBCKNN.

Trên đây là ý kiến của UBCKNN về Hồ sơ công bố thông tin về việc thoái vốn của Tổng công ty Lương thực Miền Bắc./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- VCBS;
- Lưu: VT, QLCB, 04.

**TL. CHỦ TỊCH
VỤ TRƯỞNG VỤ QUẢN LÝ CHÁO BÁN CHỨNG KHOÁN**



Trương Lê Quốc Công

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

VỀ VIỆC THOÁI VỐN CỔ PHẦN CỦA TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC LÀO CAI THÔNG QUA ĐẦU GIÁ

(Theo Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước)

**BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG
SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI**

1. Tổ chức thực hiện thoái vốn

Tổng công ty Lương thực miền Bắc

Trụ sở chính: Số 6 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3926 4466

Fax: (84.4) 3926 4477

Website: www.vinafood1.com.vn

2. Tổ chức Tư vấn

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Địa chỉ: Số 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (84.4) 3936 6425

Fax : (84.4) 3936 0262

Website: www.vCBS.com.vn

3. Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Ông Hoàng Hải

Số điện thoại: (84.4) 3266 8966

- Tổng công ty Lương thực miền Bắc thực hiện thoái vốn theo Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg.
- Quyết định số 3372/QĐ-BNN-QLDN ngày 31/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thoái vốn đầu tư của Nhà nước tại các đơn vị thành viên của Tổng công ty Lương thực miền Bắc.
- Quyết định số 89/TTr-TCTLTMB-KHQLV ngày 16 tháng 03 năm 2016 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực miền Bắc về phê duyệt giá khởi điểm và phương án chuyển nhượng phần vốn của Tổng công ty Lương thực miền Bắc tại Công ty cổ phần Lương thực Lào Cai.
- Điều kiện thoái vốn: Theo khoản 2 - điều 8 Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg
- Hình thức thoái vốn: Theo khoản 1 - điều 8 Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty cổ phần Lương thực Lào Cai

Mệnh giá: 10.000 đồng

Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến bán: 219.859 cổ phiếu

Tổng giá trị theo mệnh giá: 2.198.590.000 đồng

Giá khởi điểm: 12.700 đồng/cổ phiếu

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN 4

1. Tổ chức thực hiện thoái vốn.....4

2. Tổ chức tư vấn.....4

II. CÁC KHÁI NIỆM..... 5

III. GIỚI THIỆU VỀ CHỦ SỞ HỮU THỰC HIỆN THOÁI VỐN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 51/2014/QĐ-TTg 6

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....6

2. Môi quan hệ với công ty có cổ phiếu được thoái vốn.....8

3. Số cổ phiếu sở hữu 8

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC LÀO CAI..... 8

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....8

2. Cơ cấu tổ chức công ty.....9

3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất.... 11

4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu 11

5. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo 12

6. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty 12

7. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu thoái vốn..... 12

V. PHƯƠNG ÁN THOÁI VỐN..... 12

VI. MỤC ĐÍCH THOÁI VỐN 14

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT THOÁI VỐN 14

VIII. BÁO CÁO CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN VỀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC NÀY..... 14

PHỤ LỤC 1: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN 16

PHỤ LỤC 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH..... 18

PHỤ LỤC 3: MỘT SỐ LƯU Ý VỀ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC LÀO CAI TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2015 19

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức thực hiện thoái vốn

Ông: Trần Xuân Chính
Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

(Theo Giấy ủy quyền số 108/UQ-TCTLTMB-TCKT ngày 12/11/2014)

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn


Ông: Vũ Quang Đông
Chức vụ: Giám đốc Công ty

Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này được phản ánh trung thực dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Lương thực Lào Cai và Tổng công ty Lương thực miền Bắc cung cấp.

II. CÁC KHÁI NIỆM

<i>BCTC</i>	: Báo cáo tài chính
<i>BKS</i>	: Ban Kiểm soát
<i>CBCNV</i>	: Cán bộ công nhân viên
<i>Công ty</i>	: Công ty cổ phần Lương thực Lào Cai
<i>CN</i>	: Chi nhánh
<i>CTCP</i>	: Công ty cổ phần
<i>CP</i>	: Cổ phần
<i>CTHĐQT</i>	: Chủ tịch Hội đồng quản trị
<i>DT</i>	: Doanh thu
<i>Điều lệ Công ty</i>	: Điều lệ CTCP Lương thực Lào Cai
<i>ĐKKD</i>	: Đăng ký kinh doanh
<i>ĐHĐCĐ</i>	: Đại hội đồng cổ đông
<i>GTGT</i>	: Giá trị gia tăng
<i>HĐQT</i>	: Hội đồng quản trị
<i>HĐSXKD</i>	: Hoạt động sản xuất kinh doanh
<i>LNST</i>	: Lợi nhuận sau thuế
<i>SXKD</i>	: Sản xuất kinh doanh
<i>TNDN</i>	: Thu nhập doanh nghiệp
<i>TSCĐ</i>	: Tài sản cố định
<i>Tổng công ty / Vinafood1</i>	: Tổng công ty Lương thực miền Bắc
<i>UBCKNN</i>	: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
<i>VCBS</i>	: Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

III. GIỚI THIỆU VỀ CHỦ SỞ HỮU THỰC HIỆN THOẢI VỐN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 51/2014/QĐ-TTg**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

- Tên tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC**
- Tên viết tắt: **VINAFOOD1**
- Trụ sở: **Số 6 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội**
- Điện thoại: **(84-4) 3926 4466**
- Fax: **(84-4) 3926 4477**
- Vốn điều lệ: **4.359.390.000.000 đồng**
- Website: **www.vinafood1.com.vn**
- Mã số doanh nghiệp **Số 0100102608 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/07/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 07/10/2014.**
- Logo: 

Tổng công ty Lương thực Miền Bắc là doanh nghiệp nhà nước hạng đặc biệt được thành lập theo Quyết định số 312/QĐ-TTg ngày 24/5/1995 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở tổ chức lại các doanh nghiệp thuộc Tổng Công ty Lương thực Trung ương I và các doanh nghiệp Lương thực thuộc các tỉnh từ Thừa Thiên - Huế trở ra.

Ngày 17 tháng 07 năm 1995, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 46/NĐ-CP phê chuẩn Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty. Theo các văn bản trên, Tổng công ty có nhiệm vụ quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh các mặt hàng lương thực, nông sản và chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc đảm bảo an ninh lương thực quốc gia.

Tiếp theo đó, ngày 25 tháng 6 năm 2010, Thủ tướng đã ban hành Quyết định số 982/QĐ-TTg chuyển Công ty mẹ - Tổng công ty Lương thực miền Bắc thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Ngày 25 tháng 4 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 609/QĐ-TTg về phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Bắc.

Sau 3 năm hoạt động theo mô hình mới, để đáp ứng yêu cầu hoạt động của Tổng công ty, ngày 25 tháng 02 năm 2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 12/2014/NĐ-CP về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Bắc (có hiệu lực từ ngày 15/4/2014) thay thế Quyết định số 609/QĐ-TTg ngày 24 tháng 04 năm

2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Bắc.

Hiện nay, Tổng công ty có 23 đơn vị thành viên hạch toán độc lập đã được cổ phần hóa là các công ty con; 10 đơn vị là công ty liên kết và 03 liên doanh với nước ngoài. Phần lớn các đơn vị thành viên của Tổng công ty có trụ sở chính tại các tỉnh phía Bắc, tuy nhiên, để đảm bảo nguồn hàng cung ứng cho xuất khẩu và tiêu thụ trong nước, Tổng công ty đã thành lập 06 chi nhánh của Tổng công ty đóng tại thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long.

Kể từ khi thành lập đến nay, Tổng công ty luôn hoạt động ổn định, sản xuất kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước. Khi thành lập, vốn chủ sở hữu của Tổng công ty chưa tới 200 tỷ đồng, trong đó lỗ và công nợ khó đòi gần 100 tỷ đồng. Sau 14 năm Tổng công ty đã bổ sung vốn bằng nguồn lợi nhuận sau thuế, đưa tổng số vốn chủ sở hữu và các quỹ dự phòng tăng 18 lần so với thời điểm mới thành lập. Các chỉ tiêu chính về doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách nhà nước, thu nhập bình quân của người lao động,... đều có sự tăng trưởng ổn định, vững chắc qua từng năm; tình hình tài chính của Tổng công ty lành mạnh, không có nợ đọng, nợ xấu.

Từ năm 1995 đến nay, tập thể CBCNV - lao động Tổng công ty đã lần lượt được nhận Huân chương lao động hạng Ba, hạng Nhì, hạng Nhất, Huân chương Độc lập hạng Ba và gần đây vinh dự được đón nhận Huân chương Độc lập hạng Nhì của Nhà nước trao tặng.

❖ **Ngành nghề kinh doanh chính:**

- Thu mua, bảo quản, chế biến, bán buôn, bán lẻ, dự trữ lương thực, nông sản, thực phẩm, thực hiện bình ổn giá, đảm bảo an ninh lương thực quốc gia;
- Xuất, nhập khẩu lương thực, nông sản vật tư nông nghiệp, phân bón và các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu khác. Nhập khẩu ngô, lúa mì, bột mì. Sản xuất, kinh doanh xuất và nhập khẩu các loại nguyên liệu, thực phẩm thức ăn chăn nuôi gia súc. Cung ứng các loại vật tư thiết bị chuyên dùng cho sản xuất, kinh doanh của lương thực thực phẩm;
- Sản xuất và kinh doanh xuất, nhập khẩu muối. Kinh doanh hóa chất làm muối. Tư vấn đầu tư, xây lắp phát triển ngành muối. Xây dựng công trình chuyên ngành muối biển. Lắp đặt thiết bị công trình chuyên ngành sản xuất muối với công trình chế biến thực phẩm khác;
- Nuôi trồng thủy sản và các hoạt động dịch vụ liên quan. Sản xuất chế biến các loại bánh, kẹo. Nhập khẩu vật tư nguyên liệu, máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển, vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng cho sản xuất, kinh doanh. Thiết kế và xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất, kinh doanh và xuất, nhập các loại nguyên liệu, vật liệu nhựa và các sản phẩm từ nhựa chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa. Kinh doanh và

xuất, nhập khẩu hàng hóa mỹ phẩm, bán buôn, bán lẻ và đại lý xăng dầu, chất đốt;

- Kinh doanh khách sạn, ăn uống giải khát bên bãi xe khách, cho thuê tài sản, nhà kho văn phòng. Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện vận tải, xe cơ giới, hàng hóa, vui chơi, giải trí, văn hóa thể thao, du lịch.

2. **Mối quan hệ với công ty có cổ phiếu được thoái vốn**

Tổng Công ty Lương thực miền Bắc là công ty mẹ của Công ty cổ phần Lương thực Lào Cai.

3. **Số cổ phiếu sở hữu**

Tổng Công ty Lương thực miền Bắc đang sở hữu 369.630 cổ phiếu (tương đương 88,85% lượng cổ phiếu đang lưu hành) của Công ty cổ phần Lương thực Lào Cai.

IV. **TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC LÀO CAI**

1. **Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

Tổ chức phát hành	CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC LÀO CAI
Tên giao dịch đối ngoại	LAO CAI FOOD JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	LC FOOD JSC
Trụ sở chính	Số nhà 200, đường Hồng Hà, phường Cốc Lếu, Thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
Điện thoại	0203 821 213
Fax	0203 824 560
Mã số doanh nghiệp	Số 5300285059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 25/03/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19/04/2012
Vốn điều lệ	4.160.300.000 đồng

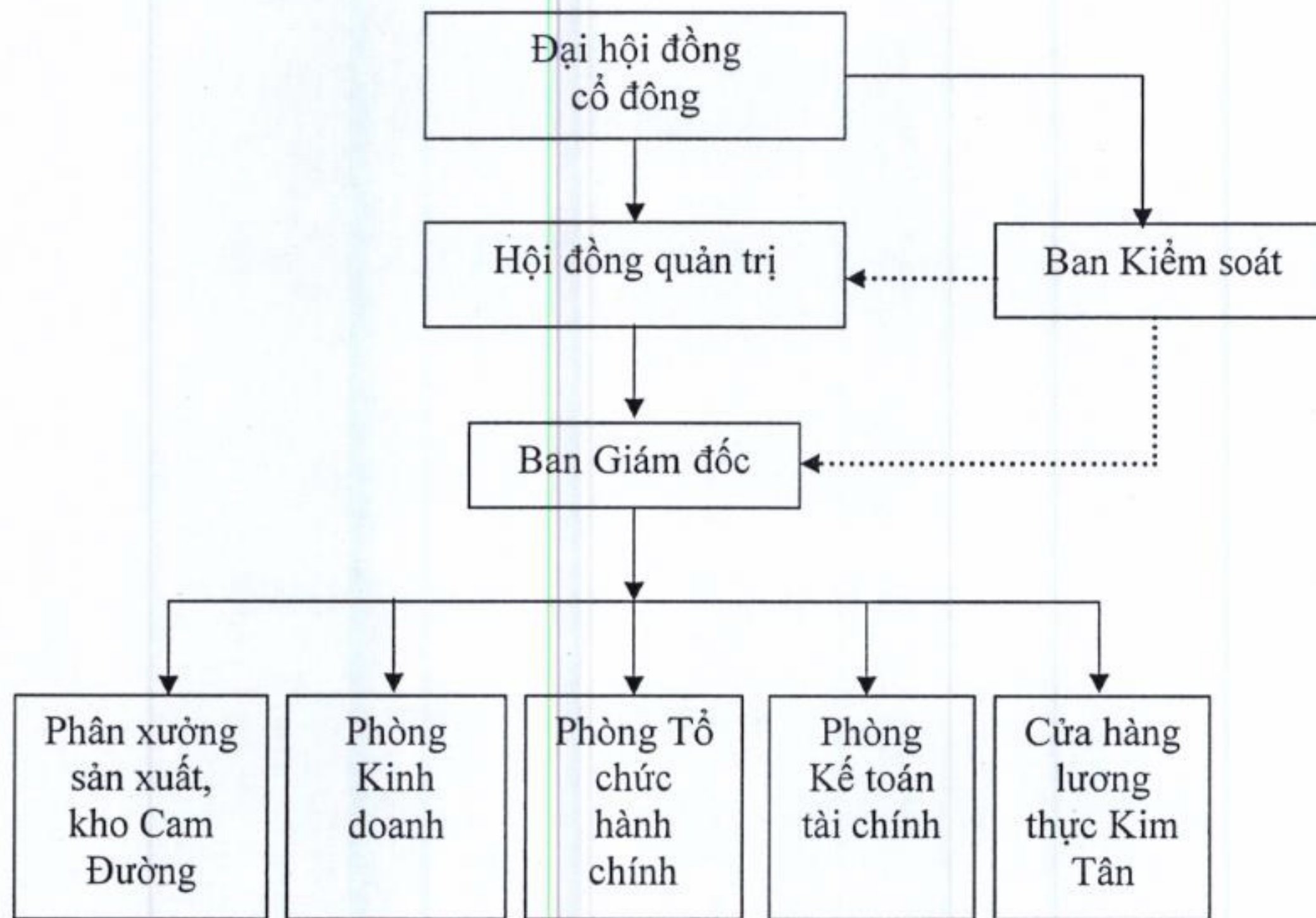
❖ **Ngành nghề kinh doanh:**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5300285059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 25/03/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 19/04/2012, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty cổ phần Lương thực Lào Cai bao gồm:

- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;

- Bán buôn, bán lẻ xuất nhập khẩu các mặt hàng lương thực, thực phẩm, hải sản, thủy sản và các mặt hàng nông sản; Bán buôn, bán lẻ, đại lý tiêu thụ hàng hóa bách hóa: bánh kẹo, đường, sữa, thuốc lá, thuốc Lào và các loại hàng hóa nông sản thực phẩm; Bán buôn, bán lẻ, đại lý hàng hóa: điện máy, điện tử, xăng dầu, gas, than các loại; Kinh doanh lẻ hành nội địa; Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư nông nghiệp: phân đạm, phân bón tổng hợp, vật liệu xây dựng và nhập khẩu nguyên nhiên liệu dùng cho chế biến thức ăn gia súc; Kinh doanh thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy cầm, thủy sản, hải sản; Xay xát lúa, gạo: chế biến lương thực, thực phẩm, nông sản; Kinh doanh siêu thị; Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ; Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh; Dịch vụ vận tải hàng hóa; Kinh doanh và nuôi trồng thủy sản; Mua bán hạt giống; Kinh doanh và sản xuất rượu, bia, bia chai, nước giải khát có cồn và không cồn.

2. Cơ cấu tổ chức công ty



(Nguồn: Công ty cổ phần Lương thực Lào Cai)

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, quyết định về đầu tư, kinh doanh, chuyển nhượng, thế chấp giá trị lớn, quyết định về sáp nhập, mua lại hợp nhất, chia tách công ty, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty được quy định chi tiết tại Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền. Hội đồng quản trị của Công ty bao gồm 01 Chủ tịch Hội đồng quản trị và 02 Ủy viên Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển của Công ty; xây dựng các kế hoạch phát triển kinh doanh; xây dựng cơ cấu tổ chức; quy chế quản lý; đưa ra các quyết định nhằm đạt được mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Ban Kiểm soát

Là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Giám đốc; trong ghi chép của sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát của Công ty gồm 01 Trưởng ban Kiểm soát và 02 thành viên, hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban giám đốc.

Ban Giám đốc

Ban Giám đốc là cơ quan điều hành mọi hoạt động kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty. Ban giám đốc gồm 01 Giám đốc và 01 Phó giám đốc. Trong đó Giám đốc là người trực tiếp lãnh đạo bộ máy quản lý, chỉ đạo hoạt động kinh tế tài chính của Công ty và Phó giám đốc có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc và thừa lệnh của Giám đốc trực tiếp chỉ đạo quản lý sản xuất và các công việc có liên quan, đồng thời trực tiếp quản lý tại xưởng sản xuất Cam Đường.

Phòng Tổ chức hành chính

Phòng Tổ chức hành chính có nhiệm vụ thực hiện các công việc được giao, tổ chức quản lý, theo dõi chấm công, theo dõi chế độ chính sách tiền lương, tiền công và các khoản trích theo lương cho CBCNV, đồng thời tổ chức lưu trữ hồ sơ và giải quyết các thủ tục hành chính của Công ty.

Phòng Kế toán tài chính

Phòng Kế toán tài chính thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho giám đốc về các chính sách chế độ tài chính, quản lý thu chi tài chính theo các quy định tài chính kế toán hiện hành...phản ánh trung thực, kịp thời tình hình tài chính của Công ty; tổ chức giám sát phân tích các hoạt động kinh tế từ đó giúp Giám đốc nắm bắt tình hình cụ thể của Công ty; tổ chức hạch toán kinh tế, phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và trực tiếp cùng các phòng ban chức năng khác quản lý giám sát mọi quá trình liên quan đến sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

Phòng Kinh doanh

Phòng kinh doanh có nhiệm vụ tham mưu cho Giám đốc xây dựng các kế hoạch ngắn, trung và dài hạn về đầu tư xây dựng cơ bản và tiêu thụ sản phẩm.

Xưởng sản xuất Cam Đường

Phó giám đốc Công ty là người trực tiếp chỉ đạo sản xuất, kinh doanh tại Xưởng sản xuất Cam Đường theo sự chỉ đạo của Giám đốc Công ty.

Cửa hàng lương thực Kim Tân

Cửa hàng lương thực Kim Tân có mô hình như một Công ty thu nhỏ, cửa hàng trưởng là một thành viên của Hội đồng quản trị.

3. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% +/-
Tổng giá trị tài sản	14.132.950.772	17.996.571.672	27,34%
Doanh thu thuần	64.730.390.891	118.929.809.038	83,73%
Lợi nhuận từ HĐKD	123.475.068	(3.068.469.396)	-
Lợi nhuận khác	(8.330.909)	5.303.469.241	-
Lợi nhuận trước thuế	115.144.159	2.234.999.845	1.841,04%
Lợi nhuận sau thuế	115.144.159	1.062.441.263	822,71%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 Công ty cổ phần Lương thực Lào Cai)

4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0,97	1,05
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,34	0,94
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	84,79%	82,16%
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	557,68%	460,40%

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho	8,38	67,96
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	458,01%	660,85%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	0,18%	0,89%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	5,36%	33,08%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/tổng tài sản	0,81%	5,90%
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	0,19%	-2,58%
+ Thu nhập trên vốn cổ phần (EPS)	277	2.554

(Nguồn: VCBS tổng hợp và tính toán)

5. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	
	Kế hoạch	% tăng giảm so với 2015
Doanh thu thuần	80.000.000.000	-32,73%
Lợi nhuận trước thuế	130.000.000	-94,18%
Tỷ lệ LNTT/Doanh thu thuần	0,16%	-91,35%
Tỷ lệ LNTT/Vốn chủ sở hữu	4,05%	-94,18%
Cổ tức	-	-

(Nguồn: Công ty cổ phần Lương thực Lào Cai cung cấp)

6. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

7. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu thoái vốn

Không có.

V. PHƯƠNG ÁN THOÁI VỐN

1. Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông, tự do chuyển nhượng

2. Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng)

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến thoái vốn: 219.859 cổ phiếu (chiếm tỷ lệ 52,85% tổng số cổ phiếu đang lưu hành)

4. **Giá khởi điểm đấu giá: 12.700 đồng/cổ phiếu** (Mười hai nghìn bảy trăm đồng một cổ phiếu)
5. **Phương pháp tính giá:** Theo Chứng thư thẩm định giá số 2053/CT-VVFC/BAN3 do Công ty cổ phần Định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam ký phát hành ngày 05 tháng 02 năm 2016, giá trị doanh nghiệp CTCP Lương thực Lào Cai được xác định theo phương pháp tài sản và phương pháp giá trị sổ sách.
Trong đó, mức giá khởi điểm bán đấu giá của Tổng công ty Lương thực miền Bắc tính dựa trên các căn cứ:
 - (i) Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Thông tư 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP.
 - (ii) Chứng thư Thẩm định giá số 2053/CT-VVFC/BAN3 do Công ty cổ phần Định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam ký phát hành ngày 05 tháng 02 năm 2016.
 - (iii) Theo Quyết định số 89/TTr-TCTLTMB-KHQLV ngày 16 tháng 03 năm 2016 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực miền Bắc về việc phê duyệt giá khởi điểm và phương án chuyển nhượng phần vốn của Tổng công ty tại CTCP Lương thực Lào Cai.
6. **Phương thức thoái vốn:** Bán đấu giá công khai tại Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS)
7. **Tổ chức thực hiện đấu giá cổ phần:** Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS)
8. **Thời gian thực hiện thoái vốn:** Quý II/2016 và Quý III/2016
9. **Thời gian đăng ký mua cổ phiếu dự kiến:**
Theo Quy chế bán đấu giá cổ phần của Tổng công ty Lương thực miền Bắc tại CTCP Lương thực Lào Cai do VCBS ban hành.
10. **Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:**
Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán.
Tỷ lệ nắm giữ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Công ty đến ngày 01/03/2016 là 0%.
Giới hạn cho cá nhân và tổ chức nước ngoài đối với đợt chào bán này là không có, nghĩa là cá nhân và tổ chức nước ngoài được mua tối đa 100% cổ phần chào bán đợt này.
11. **Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng:** không có

12. Các loại thuế có liên quan:

Căn cứ Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, tại Điều 15, Chương IV: “Doanh nghiệp có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.” Theo đó, Tổng công ty Lương thực miền Bắc sẽ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp nếu phát sinh thu nhập từ chuyển nhượng vốn với mức thuế suất là 20%.

VI. MỤC ĐÍCH THOÁI VỐN

Mục đích của việc chào bán cổ phần của Tổng công ty Lương thực miền Bắc tại CTCP Lương thực Lào Cai nhằm cơ cấu lại danh mục đầu tư tài chính dài hạn của Tổng công ty theo Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1894/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2012 và Quyết định số 3372/QĐ-BNN-QLDN ngày 31 tháng 07 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về phương án thoái vốn đầu tư giai đoạn 2014 -2015 của Tổng công ty Lương thực miền Bắc.

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT THOÁI VỐN**TỔ CHỨC KIỂM TOÁN****CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Địa chỉ: Tầng 4, số 168 Đường Láng, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3577 0781

Fax: (04) 3577 0787

TỔ CHỨC TƯ VẤN**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NH TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Trụ sở chính: Số 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 3936 6425

Fax: (04) 3936 0262

VIII. BÁO CÁO CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC CHÀO BÁN VỀ CÁC THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN TỔ CHỨC NÀY

Chúng tôi xác nhận rằng Tổng công ty Lương thực miền Bắc là cổ đông có quyền sở hữu hợp pháp đối với số cổ phần chào bán và đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế của chúng tôi.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC THỰC HIỆN THOẠI VỐN

TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC



Trần Xuân Chính

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG

TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM *wmf*



GIÁM ĐỐC
Vũ Quang Đông

PHỤ LỤC 1: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

		2014	2015
	TÀI SẢN		
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	11.421.734.759	15.556.917.566
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	2.687.081	382.157.467
1	Tiền	12.687.081	382.157.467
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	5.830.000.000
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	5.830.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	3.758.129.317	7.599.768.153
1	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	2.097.727.252	1.394.733.417
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	89.610.065	97.421.093
3	Phải thu ngắn hạn khác	1.656.936.000	6.428.331.835
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(86.144.000)	(320.718.192)
IV	Hàng tồn kho	7.382.025.114	1.744.991.946
1	Hàng hóa tồn kho	7.382.025.114	1.744.991.946
V	Tài sản ngắn hạn khác	268.893.247	-
1	Thuế GTGT được khấu trừ	267.714.385	-
2	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	1.178.862	-
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	2.711.216.013	2.439.654.106
I	Tài sản cố định	2.135.988.157	2.170.448.709
1	TSCĐ hữu hình	2.076.330.160	2.170.448.709
-	Nguyên giá	4.946.532.814	5.055.909.178
-	Giá trị hao mòn lũy kế	(2.870.202.654)	(2.885.460.469)
2	TSCĐ vô hình	59.657.997	-
-	Nguyên giá	79.640.000	-
-	Giá trị hao mòn lũy kế	(19.982.003)	-
II	Bất động sản đầu tư	504.262.130	-
-	Nguyên giá	927.190.856	-
-	Giá trị hao mòn lũy kế	(422.928.726)	-
III	Tài sản dở dang dài hạn	-	210.671.994
1	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	210.671.994
IV	Tài sản dài hạn khác	70.965.726	58.533.403
1	Chi phí trả trước dài hạn	70.965.726	58.533.403
	TỔNG TÀI SẢN CÓ	14.132.950.772	17.996.571.672
	NGUỒN VỐN		
A	NỢ PHẢI TRẢ	11.984.030.233	14.785.209.870
I	Nợ ngắn hạn	11.820.030.233	14.757.937.143
1	Phải trả người bán ngắn hạn	350.000.000	24.000.000
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	1.674.024.000
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	-	1.414.889.103
4	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.985.030.233	5.874.024.040

5	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	8.485.000.000	5.771.000.000
II	Nợ dài hạn	164.000.000	27.272.727
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	144.000.000	27.272.727
2	Phải trả dài hạn khác	20.000.000	-
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.148.920.539	3.211.361.802
I	Vốn chủ sở hữu	2.148.920.539	3.211.361.802
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.160.300.000	4.160.300.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	15.880.098	15.880.098
3	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(2.027.259.559)	(964.818.296)
	TỔNG NGUỒN VỐN	14.132.950.772	17.996.571.672

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 của Công ty cổ phần Lương thực Lào Cai)

PHỤ LỤC 2: BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng

Các khoản mục	2014	2015
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.787.135.890	118.962.526.518
Các khoản giảm trừ doanh thu	56.744.999	32.717.480
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	64.730.390.891	118.929.809.038
Giá vốn hàng bán	61.830.913.744	118.581.958.987
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.899.477.147	347.850.051
Doanh thu hoạt động tài chính	1.037.692	81.314.164
Chi phí tài chính	778.890.657	602.481.476
Trong đó: Chi phí lãi vay	778.890.657	602.481.476
Chi phí bán hàng	737.276.181	1.441.201.958
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.260.872.933	1.453.950.177
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	123.475.068	(3.068.469.396)
Thu nhập khác	104.713.248	5.321.687.851
Chi phí khác	113.044.157	18.218.610
Lợi nhuận khác	(8.330.909)	5.303.469.241
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	115.144.159	2.234.999.845
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0	1.172.558.582
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	0	0
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	115.144.159	1.062.441.263

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 của Công ty cổ phần Lương thực Lào Cai)

**PHỤ LỤC 3: MỘT SỐ LƯU Ý VỀ TÀI SẢN CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC LÀO CAI TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2015**

STT	Tên, địa chỉ lô đất	Tổng diện tích lô quản lý, sử dụng (m2)	Hình thức sử dụng đất hiện nay	Mục đích sử dụng đất hiện nay	Thời gian sử dụng đất	Hồ sơ pháp lý chủ yếu của lô đất
1	Số nhà 200 - đường Hồng Hà - phường Cốc Lếu - thành phố Lào Cai - tỉnh Lào Cai	837,1	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng trụ sở làm việc kết hợp kinh doanh dịch vụ tổng hợp	Đến hết ngày 14/11/2053	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất BH997364 - Hợp đồng thuê đất - Quyết định số 1568
2	Tổ 3 Phường Pom Hán - Thành phố Lào Cai	5.445,0	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng nhà xưởng kinh doanh, chế biến lương thực, nông sản	Đến hết năm 2055	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AD946673 cấp cho Công ty Lương thực Hoàng Liên Sơn. - Hợp đồng thuê đất - Quyết định số 1567
3	Số 029 Nhạc Sơn _ Kim Tân - Lào Cai	169,5	Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm	Xây dựng cửa hàng kinh doanh lương thực	Đến hết ngày 3/11/2049	- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AK824665 - Hợp đồng thuê đất - Quyết định số 1565
	Tổng cộng	6.451,6				

(Nguồn: Báo cáo thẩm định giá đi kèm chứng thư thẩm định giá số 2053/CT-VVFC/BAN3 do Công ty cổ phần Định giá và dịch vụ tài chính Việt Nam ký phát hành ngày 05 tháng 02 năm 2016 và tài liệu do Công ty cổ phần Lương thực Lào Cai cung cấp)

GIẤY ỦY QUYỀN

Tôi là: **Bùi Thị Thanh Tâm**
Chức vụ: Tổng Giám đốc Tổng công ty Lương thực miền Bắc
Trụ sở chính: Số 06 Ngô Quyền, phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Điện thoại: 04 3926 4466
Chi nhánh: Số 58 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08 3823 0422
Tài khoản: 0681000007824 tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
Mã số thuế: 01.001.02608

ỦY QUYỀN

Cho ông: **Trần Xuân Chính**
Chức vụ: Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Lương thực miền Bắc

1. Nội dung ủy quyền:

Được ký kết toàn bộ các hồ sơ, tài liệu, hợp đồng, phụ lục hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng liên quan đến việc thoái vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên Tổng công ty. .

2. Các quy định có liên quan:

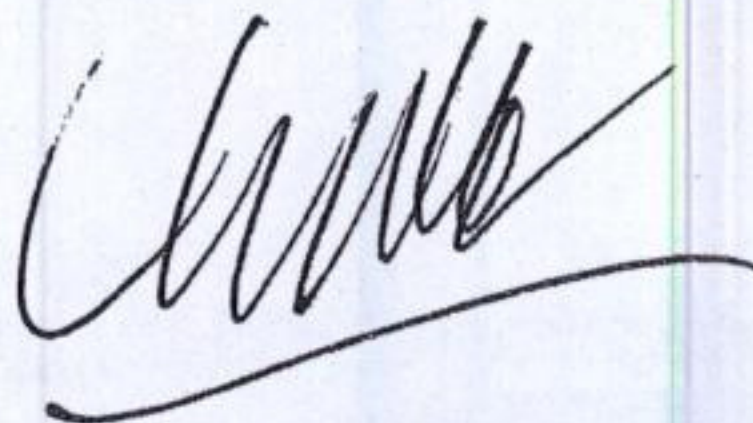
Ông Trần Xuân Chính chỉ được thực hiện các công việc được ủy quyền khi đang đảm nhiệm chức vụ được giao.

Khi thực hiện các công việc được ủy quyền, ông Trần Xuân Chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định và quy chế của Tổng công ty đồng thời chịu trách nhiệm trước Người ủy quyền và trước pháp luật về thực hiện các nội dung được ủy quyền.

3. Thời hạn ủy quyền:

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi các công việc được ủy quyền hoàn thành hoặc khi có văn bản của Tổng giám đốc Tổng công ty Lương thực Miền Bắc thông báo chấm dứt việc ủy quyền này. *h*

Chữ ký của Người được ủy quyền



Trần Xuân Chính

Chữ ký của Người ủy quyền *h*



TỔNG GIÁM ĐỐC *h*

Bùi Thị Thanh Tâm

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án thoái vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp
của Tổng công ty Lương thực miền Bắc giai đoạn 2014 – 2015**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 199/2013/NĐ-CP ngày 26/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 99/2012/NĐ-CP ngày 15/11/2012 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn Nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-CP ngày 06/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp đẩy mạnh cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1894/QĐ-TTg ngày 14/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty Lương thực miền Bắc giai đoạn 2012 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước;

Xét đề nghị của Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực miền Bắc tại tờ trình số 474/TTr-TCTLTMB-HĐTV ngày 11/6/2014 v/v đề nghị phê duyệt phương án thoái vốn của Tổng công ty Lương thực miền Bắc và đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án thoái vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp của Tổng công ty Lương thực miền Bắc giai đoạn 2014 – 2015 với những nội dung chủ yếu theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng thành viên Tổng công ty Lương thực miền Bắc chịu trách nhiệm chỉ đạo và trực tiếp tổ chức thực hiện Phương án thoái vốn đã được phê duyệt theo đúng các quy định hiện hành; định kỳ hàng quý báo cáo Bộ tình hình và kết quả triển khai thực hiện Phương án.

2. Vụ Quản lý doanh nghiệp có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra tình hình thực hiện Phương án; tổng hợp những tồn tại, khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo Bộ xem xét, giải quyết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ, Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc Tổng công ty Lương thực miền Bắc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- VPCP (Vụ Đổi mới DN);
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, QLDN. (15)

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Hà Công Tuấn

Hà Công Tuấn

PHỤ LỤC 01

Kế hoạch thoái vốn tại các doanh nghiệp của Tổng công ty Lương thực miền Bắc

(Kèm theo Quyết định số 3372/QĐ-BNN-ĐMDN ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)

T T	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn Tổng công ty đã đầu tư		Thời điểm thoái vốn (quý/năm)	Phương thức thoái vốn	Tỷ lệ thoái vốn (%)	Tỷ lệ sở hữu sau thoái vốn (%)
			Giá trị (tr.đồng)	Tỷ lệ (%)				
1	Công ty cổ phần Lương thực Hà Sơn Bình	17.890,28	13.595,28	75,99	Quý IV/2014	Bán đấu giá qua SGDCK	24,99	51,00
2	Công ty cổ phần Lương thực Đông Bắc	36.792,00	31.898,00	86,70				
3	Công ty cổ phần Vinafood 1 Hải Dương	11.200,00	7.876,00	70,32				
4	Công ty cổ phần Lương thực Sông Hồng	11.200,00	7.891,00	70,46				
5	Công ty cổ phần Lương thực Nam Định	11.875,00	9.341,70	78,67	Quý III/2015	Bán đấu giá qua SGDCK hoặc Công ty chứng khoán	20,42	36,00
6	Công ty cổ phần Lương thực và TM Phú Thọ	15.000,00	12.839,00	85,59				
7	Công ty cổ phần lương thực Hưng Yên	5.068,44	3.367,44	66,44				
8	Công ty cổ phần lương thực Hà Nam	10.715,00	9.023,60	84,21	Quý III/2015	Bán đấu giá qua SGDCK	48,21	36,00
9	Công ty cổ phần lương thực và TM Vĩnh Phúc	6.021,00	3.397,04	56,42				
10	Công ty cổ phần lương thực Lào Cai	4.160,30	3.696,30	88,85	Quý III/2015	Bán đấu giá qua SGDCK hoặc Công ty chứng khoán	20,42	36,00
11	Công ty cổ phần lương thực Ninh Bình	6.000,00	3.709,79	61,83				
12	Công ty cổ phần lương thực Hồng Hà	8.258,00	1.750,00	21,19				
13	Công ty cổ phần lương thực Đông Anh	2.000,00	600,00	30,00	Quý II/2015	Bán đấu giá qua SGDCK	30,00	0
14	Công ty cổ phần Muối Nam Định	3.000,00	322,081	10,74				
15	Công ty cổ phần Muối Thanh Hóa	7.000,00	1.364,95	19,50	Quý II/2015	Bán đấu giá qua SGDCK hoặc Công ty chứng khoán	25,00	0
16	Công ty cổ phần Muối và TM Nghệ An	4.500,00	1.125,00	25,00				
17	Công ty cổ phần Muối và TM miền Trung	10.000,00	2.302,00	23,02	Quý II/2015	Bán đấu giá qua SGDCK	23,02	0
18	Công ty Muối và TM Bạc Liêu	4.500,00	1.278,00	28,40				
19	Công ty cổ phần Kinh doanh bao bì lương thực	31.000,00	9.300,50	30,00	Quý II/2015	Bán đấu giá qua SGDCK hoặc Công ty chứng khoán	28,40	0

PHỤ LỤC 02

Kế hoạch thoái vốn tại các Dự án thuộc các công ty con của Tổng công ty Lương thực miền Bắc
(Kèm theo Quyết định số 3372/QĐ-BNN-DMDN ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT)



DVT: tỷ đồng

TT	Tên đơn vị/Dự án	Địa điểm	Tổng mức đầu tư	Giá trị XDCBDD	Hình thức cơ cấu	Thời điểm thực hiện
I	Công ty cổ phần phân phối bán lẻ VNFI					
1	Trung tâm thương mại Vinafood1 Thanh Hóa	Số 19 Lê Hữu Lập, Tp Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa	67	66	Chuyển nhượng	Quý IV/2015
	Trung tâm thương mại và căn hộ Vinafood1	Số 2 Lê Lợi, Tp Vinh, tỉnh Nghệ An	339	159	Chuyển nhượng	Quý IV/2015
II	Công ty cổ phần Lương thực Thanh Nghệ Tĩnh					
	Dự án tổ hợp Nhà ở và Trung tâm thương mại số 176 Nguyễn Du, Tp Vinh	Số 176 Nguyễn Du, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An	327	103	Chuyển đổi hoặc Chuyển nhượng	Quý IV/2015

Số: 89/TTr-TCTLTMB-KHQLV

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Phê duyệt giá khởi điểm và phương án chuyển nhượng phần vốn của
Tổng công ty tại Công ty CP Lương thực Lào Cai**

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội nước Cộng hoà XHCN Việt Nam;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội nước Cộng hoà XHCN Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật;

Căn cứ Nghị định số 12/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Lương thực miền Bắc;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Quyết định 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/09/2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của doanh nghiệp nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1894/QĐ-TTg ngày 14/12/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tái cơ cấu Tổng công ty Lương thực miền Bắc;

Căn cứ Quyết định số 3372/QĐ-BNN-QLDN ngày 31/7/2014 của Bộ Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Phương án thoái vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp của Tổng công ty Lương thực miền Bắc giai đoạn 2014-2015;

Căn cứ Quyết định số 368/QĐ-TCTLTMB-HĐTV ngày 20/10/2015 của Hội đồng thành viên Tổng công ty về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện tái cơ cấu và thoái vốn đầu tư tại doanh nghiệp khác năm 2015;

Căn cứ chứng thư thẩm định giá số: 2053/CT-VVFC/BAN3 ngày 05/02/2016 của Công ty CP Định giá và Dịch vụ tài chính Việt Nam;

Xét đề nghị của Tổng giám đốc Tổng công ty tại Tờ trình số 149/TTr-TCTLTMB-KHQLV ngày 14/3/2016 về việc phê duyệt giá khởi điểm và phương án chuyển nhượng phần vốn góp của Tổng công ty tại Công ty CP Lương thực Lào Cai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá khởi điểm và phương án chuyển nhượng phần vốn góp của Tổng công ty tại Công ty CP Lương thực Lào Cai, cụ thể như sau:

1. **Số lượng cổ phần thoái vốn:** Số lượng cổ phần thoái vốn tại Công ty CP Lương thực Lào Cai là: 219.859 cổ phần. (tỷ lệ vốn góp của TCTy từ 88,85% xuống còn 36%).

2. **Phương thức thoái vốn:** Thực hiện chào bán đấu giá công khai qua Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBS) đối với phần vốn góp của Tổng công ty tại Công ty CP Lương thực Lào Cai.

3. **Giá khởi điểm chào bán:** Sử dụng giá thẩm định làm cơ sở xác định giá khởi điểm khi bán đấu giá phần vốn của Tổng công ty tại Công ty CP Lương thực Lào Cai là: 12.700đ/cổ phần. (giá trên chưa bao gồm thuế và phí chuyển nhượng theo quy định hiện hành)

4. **Giới hạn mức giá đặt mua:** Người đăng ký tham dự đấu giá chỉ được phép đặt mua với 01 (một) mức giá.

5. **Bước giá:** Đơn vị bỏ giá phải ghi chặn đến 100 đồng (Một trăm đồng).

6. **Nội dung khác:** Trong trường hợp số lượng cổ phần chào bán không được bán hết, số lượng cổ phần còn lại sẽ được xử lý theo quy định hiện hành.

Điều 2. Giao Bộ máy Điều hành tổ chức thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp của Tổng công ty tại đơn vị nói trên theo phương án được phê duyệt, đảm bảo tính minh bạch, tối đa hóa lợi ích của Tổng công ty và tuân thủ quy trình, quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc Tổng công ty, Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chuyên môn nghiệp vụ và Người đại diện phần vốn Tổng công ty tại Công ty CP Lương thực Lào Cai, chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- KSV TCTy;
- HĐCN, TCKT, KHQLV;
- Lưu: VT, KSNB.

TỔNG C.TY LT MIỀN BẮC
CHỨNG NHẬN
SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày tháng năm 201...

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN



Phan Xuân Quế



Hoàng Hữu Nam

**TỔNG CÔNG TY
LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC**

Số: **34/UQ-TCTLTMB-VP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **23** tháng **3** năm 2015

GIẤY ỦY QUYỀN

Tôi là: **Bùi Thị Thanh Tâm**
Chức vụ: **Tổng Giám đốc Tổng Công ty Lương thực miền Bắc**
Phó Chủ tịch Ban Chấp hành Hiệp hội Lương thực Việt Nam
Trụ sở chính: **Số 06 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**
Điện thoại: **04 3926 4466**
Mã số thuế : **01.001.02608**

ỦY QUYỀN

Cho ông: **Hoàng Hữu Nam**

Chức vụ: **Phó Chánh Văn phòng Tổng Công ty Lương thực miền Bắc.**

1. Nội dung ủy quyền

Đại diện Tổng công ty Lương thực miền Bắc sao y bản chính các văn bản phục vụ công việc của Lãnh đạo Tổng công ty, các Ban, Văn phòng, Chi nhánh và các đơn vị thành viên của Tổng công ty.

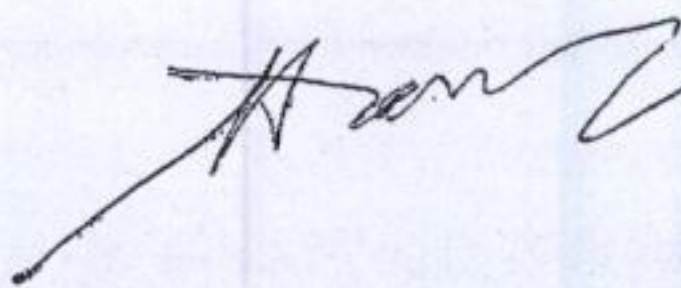
2. Các quy định có liên quan

Ông Hoàng Hữu Nam chỉ được thực hiện các công việc được ủy quyền và phải tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định và quy chế của Tổng Công ty đồng thời chịu trách nhiệm trước người ủy quyền và trước pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được ủy quyền.

3. Thời hạn ủy quyền

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi các công việc ủy quyền được thực hiện xong hoặc khi có thông báo bằng văn bản của Tổng Giám đốc Tổng công ty về việc chấm dứt ủy quyền./.

Chữ ký của Người được ủy quyền



Hoàng Hữu Nam

Chữ ký của Người ủy quyền



Bùi Thị Thanh Tâm

VNF1

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC LÀO CAI

Địa chỉ: Số 200 Đường Hồng Hà - Phường Cốc Lếu - TP Lào Cai - Tỉnh Lào Cai

Điện thoại: (020) 3821231

Fax: (020) 3824560

Email: luongthuclc@gmail.com

Website:

GIẤY CHỨNG NHẬN SỞ HỮU CỔ PHẦN

Tên Công ty: Công ty cổ phần Lương thực Lào Cai

Trụ sở chính: Số 200 - Đường Hồng Hà - Phường Cốc Lếu - TP Lào Cai - Tỉnh Lào Cai

Điện thoại: 020 3821231

Fax: 020 3824560

Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số: 5300285059; Đăng ký lần đầu ngày 25/3/2009;
Đăng ký thay đổi lần thứ: 01 ngày 19/4/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC LÀO CAI

Chứng nhận sở hữu cổ phần của cổ đông tại Công ty như sau:

Tên cổ đông : **TỔNG CÔNG TY LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC**

Địa chỉ : Số 06 - Phố Ngô Quyền - Phường Lý Thái Tổ - Quận Hoàn Kiếm - Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 39264466

Fax: (04) 39264477

Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số: 0100102608; Đăng ký lần đầu ngày 20/7/2010;
Đăng ký thay đổi lần thứ: 6 ngày 07/10/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp.

Mã số cổ đông: **LCF0001**

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Lương thực Lào Cai

Số lượng cổ phần : **369.630** Cổ phần

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

Tổng giá trị theo mệnh giá: **3.696.300** đồng

(Ba tỷ, sáu trăm chín mươi sáu triệu, ba trăm nghìn đồng)

Loại cổ phần : Cổ phần phổ thông

Trong đó: + Số lượng cổ phần được tự do chuyển nhượng: 369.630, cổ phần

+ Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0, cổ phần

Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Lào Cai, ngày 28 tháng 9 năm 2015

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Số: 0001/LTLC

BẢN SAO

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC LÀO CAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hà Nội, tháng 01 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC LÀO CAI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Hà Nội, tháng 01 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3-4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7-19

TRÁ
N

Số: 041 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Giám đốc
Công ty Cổ phần Lương thực Lào Cai

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực Lào Cai (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28/01/2016, từ trang 03 đến trang 19, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “Báo cáo tài chính”).

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc số liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số 0517-2013-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Ngày 25 tháng 01 năm 2016

Văn phòng Hồ Chí Minh
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ, P.15
Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3840 6618; Fax: (84-8) 3840 6616



Phạm Xuân Sơn
Kiểm toán viên
Giấy CN-ĐKHN Kiểm toán số 1450-2013-156-1

Văn phòng Hải Phòng
499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-31) 353 4655; Fax: (84-31) 353 4316

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.556.917.566	11.421.734.759
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	382.157.467	12.687.081
1. Tiền	111		382.157.467	12.687.081
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.830.000.000	-
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	5.830.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		7.599.768.153	3.758.129.317
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.394.733.417	2.097.727.252
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		97.421.093	89.610.065
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.428.331.835	1.656.936.000
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(320.718.192)	(86.144.000)
IV. Hàng tồn kho	140	9	1.744.991.946	7.382.025.114
1. Hàng tồn kho	141		1.744.991.946	7.382.025.114
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	268.893.247
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	267.714.385
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	1.178.862
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.439.654.106	2.711.216.013
I. Tài sản cố định	220		2.170.448.709	2.135.988.157
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	2.170.448.709	2.076.330.160
- Nguyên giá	222		5.055.909.178	4.946.532.814
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.885.460.469)	(2.870.202.654)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	59.657.997
- Nguyên giá	228		-	79.640.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(19.982.003)
II. Bất động sản đầu tư	230		-	504.262.130
- Nguyên giá	231		-	927.190.856
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	(422.928.726)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		210.671.994	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		210.671.994	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		58.533.403	70.965.726
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		58.533.403	70.965.726
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		17.996.571.672	14.132.950.772

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015MẪU SỐ B 01-DN
Đơn vị: VND
01/01/2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		14.785.209.870	11.984.030.233
I. Nợ ngắn hạn	310		14.757.937.143	11.820.030.233
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		24.000.000	350.000.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	1.674.024.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.414.889.103	-
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	5.874.024.040	2.985.030.233
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	5.771.000.000	8.485.000.000
II. Nợ dài hạn	330		27.272.727	164.000.000
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		27.272.727	144.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337		-	20.000.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.211.361.802	2.148.920.539
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	3.211.361.802	2.148.920.539
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.160.300.000	4.160.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.160.300.000	4.160.300.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.880.098	15.880.098
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(964.818.296)	(2.027.259.559)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2.027.259.559)	(2.142.403.734)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.062.441.263	115.144.175
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		17.996.571.672	14.132.950.772

Phạm Nhật Thành
Giám đốc

Lào Cai, ngày 25 tháng 01 năm 2016

Nguyễn Duy Tĩnh
Kế toán trưởngNguyễn Duy Tĩnh
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015MẪU SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	118.962.526.518	64.787.135.890
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	16	32.717.480	56.744.999
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		118.929.809.038	64.730.390.891
4. Giá vốn hàng bán	11	17	118.581.958.987	61.830.913.744
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		347.850.051	2.899.477.147
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		81.314.164	1.037.692
7. Chi phí tài chính	22	18	602.481.476	778.890.657
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		602.481.476	778.890.657
8. Chi phí bán hàng	25	19	1.441.201.958	737.276.181
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	1.453.950.177	1.260.872.933
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(3.068.469.396)	123.475.068
11. Thu nhập khác	31	20	5.343.262.654	104.713.248
12. Chi phí khác	32		39.793.413	113.044.157
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		5.303.469.241	(8.330.909)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.234.999.845	115.144.159
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	1.172.558.582	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.062.441.263	115.144.159
18. Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	22	2.554	277

Phạm Nhật Thành

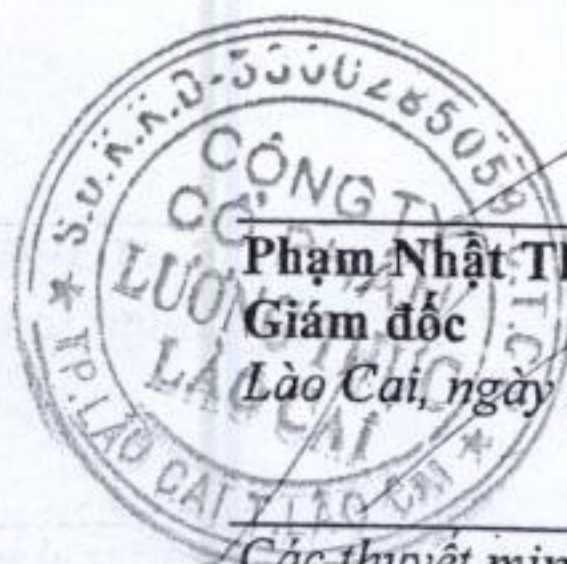
Giám đốc

Lào Cai, ngày 25 tháng 01 năm 2016

Nguyễn Duy Tĩnh
Kế toán trưởngNguyễn Duy Tĩnh
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.234.999.845	115.144.159
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	426.927.825	416.800.798
- Các khoản dự phòng	03	234.574.192	
- (Lãi) / lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(5.396.596.002)	(1.037.692)
- Chi phí lãi vay	06	602.481.476	778.890.657
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(1.897.612.664)	1.309.797.922
- (Tăng) / giảm các khoản phải thu	09	(3.807.319.781)	(1.546.141.064)
- (Tăng) / giảm hàng tồn kho	10	5.637.033.168	2.394.328.696
- (Tăng) / giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	5.515.179.637	331.779.739
- (Tăng) / giảm chi phí trả trước	12	12.432.323	24.435.972
- Tiền lãi vay đã trả	14	(602.481.476)	(795.548.202)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.172.558.582)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	13.134.310.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(11.988.330.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.684.672.625	2.864.633.063
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.279.789.131)	(496.919.067)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	6.427.272.728	17.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.830.000.000)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	81.314.164	1.037.692
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(601.202.239)	(478.608.648)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	30.577.000.000	28.469.620.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(33.291.000.000)	(31.089.650.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.714.000.000)	(2.620.030.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	369.470.386	(234.005.585)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	12.687.081	246.692.666
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	382.157.467	12.687.081

Phạm Nhật Thành
Giám đốc

Lào Cai, ngày 25 tháng 01 năm 2016

Nguyễn Duy Tĩnh
Kế toán trưởngNguyễn Duy Tĩnh
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 19 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lương thực Lào Cai được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận kinh doanh lần đầu số 5300285059 ngày 25/03/2009 và thay đổi lần thứ nhất ngày 19/04/2012. Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 4.160.300.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 19 người (tại ngày 31/12/2014 là 21 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là bán buôn, bán lẻ xuất nhập khẩu các mặt hàng lương thực, thực phẩm, sản xuất kinh doanh rượu, bia, bia chai.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	10-15
Máy móc và thiết bị	05-15
Phương tiện vận tải	10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	359.082.858	8.315.250
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.074.609	4.371.831
	<u>382.157.467</u>	<u>12.687.081</u>

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	<u>12/31/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Ngắn hạn	5.830.000.000	5.830.000.000	-	-
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	5.830.000.000	5.830.000.000	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>1.394.733.417</i>	<i>2.097.727.252</i>
Bà Ngô Thị Lê	852.500.000	-
Bà Trần Thị Liên	137.241.179	137.241.179
Tổng công ty CP Linh Dương	-	1.472.500.000
Phải thu các đối tượng khác	404.992.238	487.986.073

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<i>6.428.331.835</i>	<i>-</i>	<i>1.656.936.000</i>	<i>-</i>
- Phải thu về tạm ứng	6.428.331.835	-	1.616.936.000	-
<i>Tạm ứng tiền thu mua nông sản cho bà Đỗ Bích Ngoan</i>	<i>6.419.341.000</i>	<i>-</i>	<i>1.606.680.000</i>	<i>-</i>
<i>Tạm ứng cho đối tượng khác</i>	<i>8.990.835</i>	<i>-</i>	<i>10.256.000</i>	<i>-</i>
- Phải thu khác	-	-	40.000.000	-

9. HÀNG TỒN KHO

	12/31/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	1.660.062.000	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	52.546.660	-	5.894.220	-
Công cụ, dụng cụ	16.369.286	-	16.369.286	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	24.864.608	-
Thành phẩm	-	-	-	-
Hàng hóa	16.014.000	-	7.334.897.000	-
	1.744.991.946	-	7.382.025.114	-

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2015	3.019.111.529	851.540.675	1.075.880.610	4.946.532.814
- Mua trong năm	-	40.000.000	813.409.091	853.409.091
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(744.032.727)	(744.032.727)
Tại ngày 31/12/2015	3.019.111.529	891.540.675	1.145.256.974	5.055.909.178
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2015	1.964.645.302	509.911.831	395.645.521	2.870.202.654
- Khấu hao trong năm	195.688.446	47.265.916	125.718.999	368.673.361
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(353.415.546)	(353.415.546)
Tại ngày 31/12/2015	2.160.333.748	557.177.747	167.948.974	2.885.460.469
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2015	1.054.466.227	341.628.844	680.235.089	2.076.330.160
Tại ngày 31/12/2015	858.777.781	334.362.928	977.308.000	2.170.448.709

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Nguyên giá tài sản cố định hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 915.511.461 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 498.020.721 đồng). Toàn bộ tài sản cố định của Công ty đã mang đi thế chấp nhằm đảm bảo cho các khoản vay.

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	<u>1.674.024.000</u>	<u>-</u>
Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Đình Hợp	1.674.024.000	-

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	<u>01/01/2015</u>		<u>31/12/2015</u>	
	<u>Số thuế phải nộp nhà nước</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số thuế phải nộp nhà nước</u>
	VND	VND	VND	VND
— Phải nộp				-
Thuế giá trị gia tăng	-	789.007.777	545.498.394	243.509.383
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	32.717.480	32.717.480	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.171.379.720	-	1.171.379.720
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	76.655.742	76.655.742	-
Các loại thuế khác	-	11.978.997	11.978.997	-
	<u>-</u>	<u>2.081.739.716</u>	<u>666.850.613</u>	<u>1.414.889.103</u>

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	<u>5.874.024.040</u>	<u>2.985.030.233</u>
- Kinh phí công đoàn	659.382	-
- Bảo hiểm xã hội	4.163.659	5.320.528
- Doanh thu chưa thực hiện;	27.272.727	144.000.000
- Phải trả khác	5.841.928.272	2.835.709.705
Trong đó:		
<i>Phải trả Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc (Bên liên quan) (i)</i>	5.830.000.000	-
<i>Phải trả khác</i>	11.928.272	2.835.709.705

Ghi chú: (i) Theo hợp đồng 05/QLV/VINAFOOD1/2015 ngày 6/9/2015, Tổng công ty lương thực Miền Bắc chuyển cho Công ty để mua hàng hóa dự trữ lưu thông. Theo quy định của hợp đồng trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được vốn đối ứng, Công ty phải dự trữ đủ số lượng hàng hóa theo hợp đồng. Đồng thời, số hàng hóa dự trữ thường xuyên không thấp hơn 60% số lượng hàng hóa được giao. Tuy nhiên đến ngày 31/12/2015, Công ty chưa sử dụng số tiền này để mua hàng dự trữ lưu thông theo như hợp đồng với Tổng Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC LÃO CAI

Số 200 đường Hồng Hà, phường Cốc Lếu, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2015**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

14. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giảm	Tăng	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	5.771.000.000	5.771.000.000	33.291.000.000	30.577.000.000	8.485.000.000	8.485.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn - Chi nhánh Lào Cai (i)	5.771.000.000	5.771.000.000	33.291.000.000	30.577.000.000	8.485.000.000	8.485.000.000

Ghi chú: (i) Khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 8800-LAV-201500942 ngày 28/12/2015 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Lào Cai và Công ty với hạn mức vay là 16, 3 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 28/12/2016. Thời hạn cho vay của từng khoản nợ được tính theo từng giấy nhận nợ của từng lần rút vốn là 6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay. Mục đích vay nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất cho vay được ngân hàng công bố tại thời điểm nhận nợ. Khoản vay được bảo đảm bằng tài sản cố định tại trụ sở Văn phòng Công ty và cửa hàng Cam đường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	LN sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	4.160.300.000	15.880.098	(2.142.403.718)	2.033.776.380
Lãi / (lỗ) trong kỳ này	-	-	115.144.159	115.144.159
Số dư tại ngày 01/01/2015	4.160.300.000	15.880.098	(2.027.259.559)	2.148.920.539
Lãi / (lỗ) trong kỳ này	-	-	1.062.441.263	1.062.441.263
Số dư tại ngày 31/12/2015	4.160.300.000	15.880.098	(964.818.296)	3.211.361.802

Cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	Cổ phiếu 416.030	Cổ phiếu 416.030
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	416.030	416.030
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	416.030	416.030
- Cổ phiếu phổ thông	416.030	416.030
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000 đồng /CP	10.000 đồng /CP

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Theo Giấy chứng nhận đầu tư		Vốn đã góp			
	VND	%	31/12/2015 VND	%	01/01/2015 VND	%
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	3.696.300.000	88,85%	3.696.300.000	88,85%	3.696.300.000	88,85%
Cổ đông khác	464.000.000	11,15%	464.000.000	11,15%	464.000.000	11,15%
Tổng cộng	4.160.300.000	100%	4.160.300.000	100%	4.160.300.000	100%

16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu bán hàng	118.962.526.518	64.126.876.612
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	660.259.278
	118.962.526.518	64.787.135.890
Các khoản giảm trừ doanh thu	32.717.480	56.744.999
Trong đó:		
- Giảm giá hàng bán	32.717.480	56.744.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	118.581.958.987	61.751.161.061
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	79.752.683
	118.581.958.987	61.830.913.744

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	602.481.476	778.890.657
	602.481.476	778.890.657

19. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	443.858.965	478.004.105
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	2.927.396	2.256.687
Chi phí khấu hao TSCĐ	200.944.196	166.453.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	793.471.401	90.562.022
	1.441.201.958	737.276.181
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên quản lý	637.563.599	612.996.958
Chi phí vật liệu quản lý	-	74.099.596
Chi phí đồ dùng văn phòng	42.211.618	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	162.374.534	165.495.924
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	234.574.192	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	134.236.412	85.431.276
Chi phí bằng tiền khác	242.989.822	322.849.179
	1.453.950.177	1.260.872.933

20. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán BĐS Đầu tư	5.342.262.654	-
Các khoản khác	1.000.000	104.713.248
	5.343.262.654	104.713.248

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

<i>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</i>	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.172.558.582	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. LÃI CƠ BẢN/LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu (1)	1.062.441.263	115.144.159
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu (2)	416.030	416.030
Lãi cơ bản/Lãi suy giảm trên cổ phiếu (3)=(1)/(2)	2.554	277
Mệnh giá cổ phiếu	10.000	10.000

Ghi chú: Công ty chưa có kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2015, nên chưa xác định quỹ khen thưởng phúc lợi để trừ vào lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 trừ đi tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Các khoản vay	5.771.000.000	8.485.000.000
Trừ: Tiền	382.157.467	12.687.081
Nợ thuần	5.388.842.533	8.472.312.919
Vốn chủ sở hữu	3.445.935.994	2.148.920.539
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	156,38%	394,26%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	<u>12/31/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	382.157.467	12.687.081
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.502.347.060	3.668.519.252
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.830.000.000	-
	13.714.504.527	3.681.206.333
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	5.771.000.000	8.485.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	5.898.024.040	3.355.030.233
	11.669.024.040	11.840.030.233

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u> VND	<u>Từ 1 - 5 năm</u> VND	<u>Tổng</u> VND
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	382.157.467	-	382.157.467
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.502.347.060	-	7.502.347.060
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.830.000.000	-	5.830.000.000
	<u>13.714.504.527</u>	<u>-</u>	<u>13.714.504.527</u>
Tại 31/12/2015			
Các khoản vay	5.771.000.000	-	5.771.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	5.898.024.040	-	5.898.024.040
	<u>11.669.024.040</u>	<u>-</u>	<u>11.669.024.040</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>2.045.480.487</u>	<u>-</u>	<u>2.045.480.487</u>
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.687.081	-	12.687.081
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.668.519.252	-	3.668.519.252
	<u>3.681.206.333</u>	<u>-</u>	<u>3.681.206.333</u>
Tại 01/01/2015			
Các khoản vay	8.485.000.000	-	8.485.000.000
Phải trả người bán và phải trả khác	3.335.030.233	20.000.000	3.355.030.233
Chi phí phải trả	-	-	-
	<u>11.820.030.233</u>	<u>20.000.000</u>	<u>11.840.030.233</u>
Chênh lệch thanh khoản thuần	<u>(8.138.823.900)</u>	<u>(20.000.000)</u>	<u>(8.158.823.900)</u>

Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

- Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc
- Công ty Cổ phần Lương thực Yên Bái
- Công ty Cổ phần Lương thực Sơn La
- Công ty Cổ phần Lương thực Hưng Yên
- Công ty Cổ phần Lương thực Hà Tĩnh
- Công ty Cổ phần Lương thực Sông Hồng
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu lương thực Hà Nội

Mối quan hệ

- Công ty mẹ
- Công ty cùng chủ sở hữu
- Công ty cùng chủ sở hữu
- Công ty cùng chủ sở hữu
- Công ty cùng chủ sở hữu
- Công ty cùng chủ sở hữu
- Công ty cùng chủ sở hữu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Ngoài số dư với bên liên quan như trình bày trong phần Thuyết minh số 13, trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	19.282.596.390	49.396.487.232
Công ty Cổ phần Lương thực Sơn La	-	34.090.909
Công ty Cổ phần Lương thực Yên Bái	6.201.460.000	-

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Mua hàng và dịch vụ		
Tổng Công ty Lương thực Miền Bắc	40.636.332.500	25.545.929.405
Công ty Cổ phần Lương thực Cao Lạng	7.375.000.000	4.006.000.000
Công ty Cổ phần Lương thực Sơn La	3.581.077.500	3.375.000.000
Công ty Cổ phần Lương thực Hà Tĩnh	3.618.475.000	-
Công ty Cổ phần Lương thực Sông Hồng	16.202.725.000	-
Công ty Cổ phần Lương thực Hưng Yên	1.458.000.000	-

	<u>Năm 2014</u>
	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Giám đốc	172.659.522

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán. Một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
			VND	VND
Phân loại lại chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán				
Phải thu ngắn hạn khác	136	40.000.000	1.616.936.000	1.656.936.000
Tài sản ngắn hạn khác	155	1.616.936.000	(1.616.936.000)	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	7.940.049	7.940.049	15.880.098
Quỹ dự phòng tài chính	418	7.940.049	(7.940.049)	-

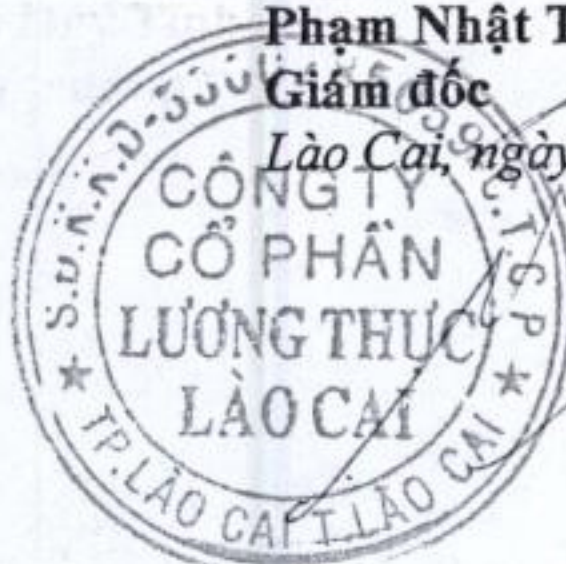


**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**
Phạm Thủy Hồng

Phạm Nhật Thành
Giám đốc
Lào Cai, ngày 25 tháng 01 năm 2016

Nguyễn Duy Tĩnh
Kế toán trưởng

Nguyễn Duy Tĩnh
Người lập biểu





Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2015

Số: 160/VACO- UQ

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ:

- Bộ Luật dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Điều lệ Công ty TNHH Kiểm toán VACO.
- Nghị quyết cuộc họp Hội đồng thành viên ngày 27/6/2015 về việc ủy quyền cho các Phó Tổng Giám đốc.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Văn Ngọc

Tôi là: **Bùi Văn Ngọc**

Chức vụ: Chủ Tịch Hội thành viên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán VACO

Tại văn bản này ủy quyền cho: **Ông Nguyễn Đức Tiến,**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán VACO, được quyền:

- 1- Thay mặt Công ty TNHH Kiểm toán VACO ký và đóng dấu các Hợp đồng kinh tế, Báo cáo và tất cả các văn bản, giấy tờ giao dịch với khách hàng sử dụng dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính, tư vấn, đào tạo và các dịch vụ khác trong phạm vi được phân công tại trụ sở giao dịch và làm việc của Công ty, địa chỉ: Tầng 4, số 168 Đường Láng, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.
- 2- Thay mặt Công ty TNHH kiểm toán VACO – Chi nhánh Hồ Chí Minh ký và đóng dấu các Hợp đồng kinh tế, Báo cáo và tất cả các văn bản, giấy tờ giao dịch với khách hàng sử dụng dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính, tư vấn, đào tạo và các dịch vụ khác trong phạm vi được phân công tại Chi nhánh Hồ Chí Minh của Công ty TNHH kiểm toán VACO, địa chỉ Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

Ông Nguyễn Đức Tiến chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Công ty và pháp luật về các văn bản, giấy tờ giao dịch và các văn bản khác liên quan do mình ký;

Giấy ủy quyền này có giá trị tối đa là 12 tháng kể từ ngày ký./.

Người được uỷ quyền

NGUYỄN ĐỨC TIẾN
 Phó Tổng Giám đốc

Văn phòng Hồ Chí Minh
 Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ, P.15
 Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
 Tel: (84-8) 3840 6618; Fax: (84-8) 3840 6616

Người uỷ quyền



BÙI VĂN NGỌC
 Chủ Tịch Hội đồng thành viên
 Tổng Giám đốc

Văn phòng Hải Phòng
 499 Quán Toan, P. Quán Toan
 Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
 Tel: (84-31) 353 4655; Fax: (84-31) 353 4316